

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ - ST
Ngày 17/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nông Trung Kiên**

Ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số **34/2025/QĐST-HNGĐ** ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tòng Văn Q. Sinh năm 2000

Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

2. Bị đơn: Chị Quàng Thị S, sinh năm 2005

Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Tòng Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tòng Văn Q và Chị Quàng Thị S chung sống cùng nhau từ năm 2022 nhưng ngày 07 tháng 6 năm 2023 mới đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh Q và chị S kết

hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ngày 03/9/2023 chị S đã dọn đồ đạc bỏ về bên ngoại cho đến nay không về nhà. Xét thấy tình cảm giữa anh với chị S không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên không thể chung sống với nhau được nữa. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Quàng Thị S.

Về con chung: Anh Q khai, anh và chị S có 01 con chung là cháu Tòng Xuân Chúc, sinh ngày 11/6/2022, hiện nay con chung đang ở cùng với anh Q. Nguyên vọng của anh Q, con chung sẽ do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng: Anh Q khai không có.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án và tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của anh Q cho chị S biết để chị S thực hiện Q và nghĩa vụ của mình nhưng chị S không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, vi phạm các Điều 70; 72/BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 83; Điều 82; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tòng Văn Q, giao con chung Tòng Xuân Chúc, sinh ngày 11/6/2022 cho anh Q được Q chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Anh Tòng Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Quàng Thị S và yêu cầu giải quyết về con chung. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Chị S cư trú tại bản Nậm Hẹ 2, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị S vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Tòa án mở phiên tòa, chị S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, anh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Tòng Văn Q và Chị Quàng Thị S kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 6 năm 2023 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, mặc dù hai bên gia đình gia đình đã động viên hoà giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay không liên lạc gì với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của anh Q cho chị S biết để chị S thực hiện Q và nghĩa vụ của mình nhưng chị S không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án, tại các phiên hoà giải chị S cũng vắng mặt, thể hiện chị S không có thiện trí hoà giải. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh Q.

[2.2]. Về con chung: Anh Q và chị S có 01 con chung là cháu Tòng Xuân Chức, sinh ngày 11/6/2022. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Q. Nguyện vọng của anh Q xin được trực tiếp chăm sóc con chung. HĐXX xét thấy từ khi ly thân con chung ở cùng anh Q do anh Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Theo biên bản xác minh ngày 02/4/2025 thể hiện, chị S hiện nay đi làm thuê dưới xuôi, chỉ về nhà vào dịp lễ tết. Vì vậy chị S không có thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Để đảm bảo Q lợi cho con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận sự nguyện vọng của anh Q. Giao con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung

thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng: Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên anh Q là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn, anh Q có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, anh Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58 Điều 81 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tòng Văn Q được ly hôn chị Quàng Thị S

2. Về con chung: Anh Tòng Văn Q được Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Tòng Xuân Chúc, sinh ngày 11/6/2022 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Không có.

4. *Về án phí*: Anh Tòng Văn Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Q kháng cáo*: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Tòng Văn Q và chị Quàng Thị S đều vắng mặt được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã Noong Hẹt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Dương